

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH HUNG YÊN
Án số: 06/2020/DSST
Ngày: 12/6/2020
“V/v kiện đòi nợ”

CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HUNG YÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Lâm

Các hội thẩm nhân dân:

1/Ông: Phan Xuân Hùng.

2/Bà: Nguyễn Thị Thìn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hiền Dung- KSV.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Thị xã M xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ L số: 01/2020/TLDS - DSST ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc *“Kiện đòi nợ”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐST- DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa :

*** Nguyên đơn:** Chị Tạ Thị T - sinh năm 1972 (có mặt).

Trú tại: Thôn Quanh, Thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

*** Bị đơn:** Chị Triệu Thị Thu H - sinh năm 1984 (vắng mặt).

Trú tại: Tầng 10, Phòng 1014, khu A, Chung cư P, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :**

1/Bà: Lê Thị L - sinh năm 1952.

2/Ông: Triệu Duy D - sinh năm 1951.

Đều trú tại: Phố Nguyễn Trung Ngạn, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên.
(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

3/ Anh: Đào Văn T1 - sinh năm 1973 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn Quanh, Thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

(Ủy quyền cho chị Tạ Thị T tham gia tố tụng - Chị T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Tạ Thị T trình bày:

Ngày 23/6/2017 chị Triệu Thị Thu H có đến nH chị hỏi vay chị số tiền 550.000.000 đồng. Vì trước đây hai gia đình ở cùng thị trấn đã quen biết nhau lâu nên hai vợ, chồng chị tin tưởng đồng ý cho chị H vay số tiền 550.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận thống nhất viết hợp đồng cho vay với lãi suất là 2%/tháng, hạn tháng 12/2017 chị H sẽ trả cả gốc và lãi. Vì số tiền lớn nên chị không cho chị H vay đủ ngay được nên chị đưa cho chị H vay làm 02 đợt cụ thể.

Đợt 1: Chị đưa cho chị H vay 500.000.000 đồng; đợt 2 chị đưa cho chị H vay 50.000.000 đồng.

Đến hạn trả nợ, chị H không thanh toán nợ cho chị như đã hứa, chị đã gọi điện, đến nH nhắc nhở nhiều lần nhưng chị H không trả mà còn có thái độ thách thức, đe dọa chị. Một thời gian sau thì chị H chuyển lên khu chung cư Phúc Hưng, phường Bần Yên Nhân, thị xã M sinh sống.

Tuy nhiên, quá trình vay nợ chị H mới thanh toán được cho chị số tiền 20.000.000 đồng (Số tiền này là do bà L mẹ chị H đưa cho chị để trả nợ thay cho chị Hà). Đến nay, chị xin sửa đổi yêu cầu khởi kiện, chị yêu cầu chị H phải thanh toán tiếp số nợ gốc còn thiếu cho chị là 530.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi chị không yêu cầu chị H phải thanh toán cho chị. Số tiền gốc chị yêu cầu chị H phải thanh toán cho chị mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Chị không đồng ý phương án trả nợ của chị H là mỗi tháng trả cho chị từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Theo lời khai của bị đơn chị Triệu Thị Thu H trình bày:

Từ năm 2017, chị có vay của chị Tạ Thị T ở thôn Quan, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên số tiền là: 550.000.000 đồng thông qua 11 lần vay và chị T đưa tiền cho chị vay là đúng. Sau này chị viết vào tờ giấy ô li gộp tất cả các lần vay và ghi thành hai lần vay như giấy vay chị T nộp cho Tòa án. Chị xác định chữ ký và chữ viết trong giấy vay này là đúng chữ viết và chữ ký của chị. Việc vay nợ này là vay cá nhân chị không liên quan đến chồng chị là anh Q. Tuy nhiên, lãi suất vay chị T cho rằng 2%/tháng là không đúng thực tế mà chị T cho chị vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/ngày. Khi vay không thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất trả theo hàng tháng. Tuy nhiên, cho đến nay chị T không yêu cầu chị phải trả lãi cho chị T thì chị đồng ý. Chị xác định có nhờ mẹ đẻ là bà L trả nợ cho chị T số tiền 20.000.000 đồng, vì vậy hiện nay chị còn nợ chị T số tiền 530.000.000 đồng nợ gốc như yêu cầu khởi kiện của chị T là đúng. Đối với số nợ gốc này chị xác định có trách nhiệm trả cho chị T mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L và ông Triệu Duy D thống nhất trình bày:** Ông, bà là bố, mẹ đẻ của chị Triệu Thị Thu H, việc chị H vay nợ chị T cụ thể như thế nào thì ông, bà không được biết cụ thể. Ông, bà xác định có trả nợ cho chị T thay chị H số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 30/11/2017 (âm lịch). Sau khi ông bà trả số tiền trên thì chị T có viết giấy biên nhận cho ông, bà và ông, bà đã nộp cho Tòa án. Số tiền ông, bà trả cho chị T thay cho chị H là tài sản chung của ông bà, việc ông bà trả nợ thay cho chị H là hoàn toàn tự nguyện. Ông, bà không yêu cầu chị H phải trả lại cho ông, bà số tiền này cũng như không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề này. Sau này Tòa án đưa vụ án ra giải quyết, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Anh Phạm Minh Q (chồng chị H) trình bày: Qua thông báo của Tòa án Thị xã M về việc thụ L vụ án mà người khởi kiện là chị Tạ Thị T anh xác định trong thực tế anh không vay bất cứ đồng nào của chị T. Anh khẳng định không liên quan gì đến vay tiền của chị T, việc vay nợ là quan hệ cá nhân giữa vợ anh là Triệu Thị Thu H với chị T. Chị H không nói gì với anh việc vay nợ này, chị H vay tiền để làm gì anh cũng không biết. Sau này Tòa án đưa vụ án ra giải quyết,

anh xác định không liên quan gì đến vụ án này nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

* Anh Đào Văn T1 xác định: Ngày 23/6/2017, chị H có đến nH anh hỏi vay số tiền 550.000.000đồng, sau đó chị T là vợ anh đã cho chị H vay số tiền trên làm 02 đợt. Lần 1 chị T đưa cho chị H vay 500.000.000đồng và lần 02 là 50.000.000đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất và hạn ngày trả nhưng cụ thể như thế nào thì anh không nhớ. Anh xác định số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng anh.

Tuy nhiên đến hạn trả nợ, chị H không thanh toán nợ mà còn thách thức và đe dọa là không thanh toán số nợ trên. Nay anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Thủy, anh yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã M buộc chị H phải thanh toán cho vợ chồng anh toàn bộ số nợ là 550.000.000đồng. Do bận công việc không đến Tòa được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Ngày 03/6/2020 Tòa án nhân dân thị xã M tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Tại phiên tòa có mặt chị Thủy, chị H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có L do. Do vậy, Tòa án hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa tiếp tục được mở lại vào ngày 12 tháng 6 năm 2020.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị T giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Triệu Thị Thu H phải có nghĩa vụ thanh toán trả số tiền gốc còn lại: 530.000.000 đồng mà chị H đã vay. Chị tự nguyện không yêu cầu chị H phải thanh toán trả số tiền lãi trên số tiền gốc kể từ thời điểm vay cho đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến và quan điểm giải quyết vụ án.

+ Về tuân thủ pháp luật:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử hôm nay hoàn toàn hợp pháp, việc điều hành hoạt động tố tụng tại phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Những người tham gia tố tụng trong vụ án cơ bản tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa tuân thủ khoản 15,16 điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng các điều 164; 166; 280; 288; 357; 463; 466 và điều 468 Bộ luật dân sự

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị T buộc chị Triệu Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán trả chị T số tiền gốc: 530.000.000 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Tạ Thị T không yêu cầu chị Triệu Thị Thu H phải thanh toán số tiền lãi trên số tiền gốc còn lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền nợ trên mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Án phí: Áp dụng khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Buộc chị Triệu Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Trên cơ sở nội dung trình bày của các đương sự, nguyên đơn chị T và bị đơn chị H đều thống nhất xác định.

Do có mối quan hệ quen biết là người cùng địa phương nên năm 2017 chị Triệu Thị Thu H có đặt vấn đề vay của chị Tạ Thị T số tiền 550.000.000đồng. Cụ thể: Ngày 15/6/2017 (âm lịch) chị T chuyển cho chị H vay số tiền: 500.000.000đồng; ngày 23/8/2017 (âm lịch) chị T tiếp tục chuyển cho chị H vay số tiền: 50.000.000đồng. Tổng cả hai lần vay là: 550.000.000đồng. Các bên có viết giấy vay nợ không thể hiện lãi suất và thời hạn trả nợ. Theo chị T xác định giữa chị và chị H thống nhất lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ tháng 12/2017 (âm lịch) chị H có nghĩa vụ cả gốc và lãi. Theo chị H thì mức lãi suất giữa chị và chị T thỏa thuận 3000đồng/01 triệu/ngày, lãi suất thanh toán theo tháng và các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Quá trình vay nợ cả hai bên đều thống nhất xác định ngày 30/11/2017 (âm lịch) chị H đã trả được cho chị T số tiền gốc là 20.000.000đồng (việc trả tiền là do ông D và bà L là bố, mẹ đẻ chị H tự nguyện đứng ra trả nợ thay chị Hà). Từ khi vay cho đến nay chị H chưa thanh toán được cho chị T được khoản tiền lãi nào. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định vào các ngày 15/6/2017 và 23/8/2017 (âm lịch) chị Tạ Thị T đã trực tiếp đưa tiền cho chị Triệu Thị Thu H vay với tổng số tiền là: 550.000.000đồng. Quá trình vay, chị H đã thanh toán được cho chị Thủy: 20.000.000đồng gốc (thông qua bố, mẹ đẻ của chị H), đến nay chị H còn nợ chị T số tiền: 530.000.000đồng. Nay chị T có yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thị xã M giải quyết buộc chị H có nghĩa vụ thanh toán trả chị số tiền nợ gốc còn lại là: 530.000.000đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi trên số tiền gốc: Chị T có quan điểm tự nguyện không yêu cầu chị H có nghĩa vụ thanh toán cho chị số tiền lãi trên số nợ gốc kể từ thời điểm vay cho đến nay, chị H cũng nhất trí với quan điểm của chị T. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự cần được ghi nhận.

* Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo Nghị quyết số: 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 164; 166; 280; 357; 463; 466 và điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị T buộc chị Triệu Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán trả chị số tiền gốc còn lại: 530.000.000 đồng (**Năm trăm ba mươi triệu đồng chẵn**).

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu chị H phải thanh toán tiền lãi trên số tiền gốc kể từ thời điểm vay cho đến nay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền nợ trên mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

* Án phí: Buộc chị Triệu Thị Thu H phải chịu: 25.200.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả chị Tạ Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 13.000.000 đồng theo Biên lai thu số: 0004162 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Mỹ Hòa.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

T1 hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận.

- Phòng GDKT và THA Tòa án tỉnh.
- VKS + THA Thị xã.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Hùng Nguyễn Thị Thìn

Trần Ngọc Lâm

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 12 tháng 6 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Lâm

1/Ông: Phan Xuân Hùng.

2/Bà: Nguyễn Thị Thìn.

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ L số: 01/2020/TLDS - DSST ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “**Kiện đòi nợ**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐST- DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Tạ Thị T - sinh năm 1972 (có mặt).

Trú tại: Thôn Quanh, Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

*** Bi đơn:** Chị Triệu Thị Thu H - sinh năm 1984 (vắng mặt).

Trú tại: Tầng 10, Phòng 1014, khu A, Chung cư Phúc Hưng, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :**

1/Bà: Lê Thị L - sinh năm 1952.

2/Ông: Triệu Duy D - sinh năm 1951.

Đều trú tại: Phố Nguyễn Trung Ngạn, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

3/ Anh: Đào Văn T1 - sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn Quanh, Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

(Ủy quyền cho chị Tạ Thị T tham gia tố tụng). Có mặt

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các qui định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1/ Về điều luật áp dụng:

Áp dụng các điều 164; 166; 280; 357; 463; 466 và điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

2/Đường lối giải quyết:

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị T buộc chị Triệu Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán trả chị số tiền gốc còn lại: 530.000.000 đồng (**Năm trăm ba mươi triệu chẵn**).

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu chị H phải thanh toán tiền lãi trên số tiền gốc kể từ thời điểm vay cho đến nay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền nợ trên mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

3/Án phí: Buộc chị Triệu Thị Thu H phải chịu: 25.200.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả chị Tạ Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.000.000 đồng theo Biên lai thu số: 0004162 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Mỹ Hòa.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

4/Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

T1 hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 15 phút ngày 12 tháng 6 năm 2020.

Biên bản đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Hùng Nguyễn Thị Thìn

Trần Ngọc Lâm